|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚCVIỆT NAM-------------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------------------------------** |
| Số: /202 /TT-NHNN | *Hà Nội, ngày tháng năm 202*  |

DỰ THẢO 2

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn hoạt động thanh toán, chuyển tiền song phương**

**giữa Việt Nam - Lào**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Thực hiện Hiệp định thương mại giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào ký ngày 3 tháng 3 năm 2015 và Hiệp định về thanh toán và hợp tác giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng nước CHDCND Lào ký ngày 12 tháng 12 năm 2007;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn hoạt động thanh toán, chuyển tiền song phương giữa Việt Nam – Lào.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định các nội dung liên quan đến quản lý ngoại hối đối với các hoạt động sau:

a) Thanh toán, chuyển tiền trong hoạt động mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ giữa hai nước Việt Nam – Lào;

b) Sử dụng tài khoản đồng kíp Lào (sau đây gọi là LAK) của người cư trú là tổ chức, cá nhân và người không cư trú là tổ chức, cá nhân Lào­;

c) Các hoạt động ngoại hối khác quy định tại Chương III Thông tư này;

2. Việc sử dụng tài khoản ngoại tệ khác (không bao gồm LAK), tài khoản đồng Việt Nam (sau đây gọi là VND) của người không cư trú là tổ chức, cá nhân Lào và người cư trú là cá nhân Lào mở tại các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối tại Việt Nam được thực hiện theo các quy định của pháp luật về sử dụng tài khoản ngoại tệ, tài khoản đồng Việt Nam của người cư trú, người không cư trú tại ngân hàng được phép.

3. Việc mang VND tiền mặt, LAK tiền mặt và ngoại tệ khác tiền mặt của cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện theo quy định của pháp luật về mang ngoại tệ tiền mặt, VND tiền mặt, LAK tiền mặt khi xuất cảnh, nhập cảnh.

4. Việc thanh toán, chuyển tiền cho hoạt động đầu tư, vay nợ song phương giữa Việt Nam và Lào được thực hiện theo quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam, hoạt động đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài, hoạt động vay, trả nợ nước ngoài và hoạt động cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

5. Việc chuyển tiền tài trợ, viện trợ sang Lào của người cư trú là cá nhân, tổ chức được thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển tiền một chiều từ Việt Nam ra nước ngoài.

6. Việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở Lào của người cư trú là tổ chức được thực hiện theo quy định của pháp luật về mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người cư trú là tổ chức, cá nhân và người không cư trú là tổ chức, cá nhân Lào.

2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối tại Việt Nam (sau đây gọi là ngân hàng được phép).

**Chương II**

**THANH TOÁN, CHUYỂN TIỀN TRONG HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ GIỮA VIỆT NAM - LÀO**

**Điều 3. Đồng tiền thanh toán, chuyển tiền**

Đồng tiền thanh toán, chuyển tiền trong hoạt động mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ giữa Việt Nam – Lào là VND, LAK hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi.

**Điều 4. Phương thức thanh toán, chuyển tiền**

1. Thanh toán, chuyển tiền bằng VND, LAK hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi qua ngân hàng được phép;

2. Thanh toán phần chênh lệch trong giao dịch bù trừ hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu trong hoạt động thương mại biên giới Việt Nam – Lào (phần chênh lệch bằng VND, LAK hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi thực hiện qua ngân hàng được phép theo quy định tại khoản 1 Điều này).

**Điều 5. Sử dụng tài khoản LAK của người cư trú là tổ chức, cá nhân**

Người cư trú là tổ chức, cá nhân được sử dụng tài khoản LAK tại các ngân hàng được phép để thực hiện các giao dịch thu, chi sau:

1. Thu:

a) Thu LAK chuyển khoản từ nước ngoài chuyển vào;

b) Thu LAK chuyển khoản hoặc nộp LAK tiền mặt vào tài khoản đối với các trường hợp được thu ngoại tệ trong nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

c) Nộp lại số LAK tiền mặt tại ngân hàng được phép đã rút LAK tiền mặt cho cá nhân làm việc cho tổ chức đi công tác tại Lào (áp dụng đối với người cư trú là tổ chức). Khi nộp LAK tiền mặt vào tài khoản, tổ chức xuất trình cho ngân hàng được phép chứng từ liên quan đến việc rút tiền từ tài khoản và Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh có xác nhận của Hải quan cửa khẩu về số LAK tiền mặt mang vào. Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh có xác nhận của Hải quan cửa khẩu chỉ có giá trị cho tổ chức gửi LAK tiền mặt vào tài khoản trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhập cảnh ghi trên Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh;

d) Thu từ việc mua LAK chuyển khoản tại ngân hàng được phép (áp dụng đối với người cư trú là tổ chức);

đ) Nộp LAK tiền mặt từ nước ngoài mang vào (áp dụng đối với người cư trú là cá nhân). LAK tiền mặt nộp vào tài khoản phải có xác nhận của Hải quan cửa khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối;

e) Thu LAK từ hoạt động chi, cho tặng hợp pháp theo quy định của pháp luật (áp dụng đối với người cư trú là cá nhân);

g) Mua LAK từ nguồn đồng Việt Nam hợp pháp (áp dụng đối với người cư trú là cá nhân Lào).

2. Chi:

a) Chi bán LAK cho ngân hàng được phép;

b) Chi chuyển tiền, thanh toán cho các giao dịch vãng lai, giao dịch vốn theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối;

c) Chi thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch được phép thanh toán, chuyển tiền trong nước bằng LAK theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam;

d) Chi LAK chuyển khoản sang Lào để thanh toán phần chênh lệch trong giao dịch bù trừ hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu trong hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào;

đ) Chi chuyển sang gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn bằng LAK tại ngân hàng được phép theo quy định của pháp luật về tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ;

e) Chi rút LAK tiền mặt cho cá nhân làm việc cho tổ chức đó khi được cử đi công tác tại Lào (áp dụng đối với người cư trú là tổ chức);

g) Chi rút LAK tiền mặt (áp dụng đối với người cư trú là cá nhân);

h) Chi cho, tặng LAK theo quy định của pháp luật (áp dụng đối với người cư trú là cá nhân).

**Điều 6. Sử dụng tài khoản LAK của người không cư trú là tổ chức, cá nhân Lào**

Người không cư trú là tổ chức, cá nhân Lào được sử dụng tài khoản LAK tại các ngân hàng được phép để thực hiện các giao dịch thu, chi sau:

1. Thu:

a) Thu LAK chuyển khoản từ nước ngoài chuyển vào;

b) Thu LAK chuyển khoản hoặc nộp LAK tiền mặt vào tài khoản đối với các trường hợp được thu ngoại tệ trong nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

c) Thu từ việc mua LAK chuyển khoản tại ngân hàng được phép (áp dụng đối với người không cư trú là tổ chức Lào);

d) Nộp lại số LAK tiền mặt rút ra cho nhân viên đi công tác tại Lào nhưng chi tiêu không hết tại ngân hàng được phép đã rút tiền (áp dụng đối với người không cư trú là tổ chức Lào). Khi nộp LAK tiền mặt vào tài khoản, tổ chức xuất trình cho ngân hàng được phép chứng từ liên quan đến việc rút tiền từ tài khoản và Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh có xác nhận của Hải quan cửa khẩu về số LAK tiền mặt mang vào. Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh có xác nhận của Hải quan cửa khẩu chỉ có giá trị cho tổ chức gửi LAK tiền mặt vào tài khoản trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhập cảnh ghi trên Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh;

đ) Nộp LAK tiền mặt từ nước ngoài mang vào (áp dụng đối với người không cư trú là cá nhân Lào). LAK tiền mặt nộp vào tài khoản phải có xác nhận của Hải quan cửa khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối;

e) Mua LAK từ nguồn đồng Việt Nam hợp pháp (áp dụng đối với người không cư trú là cá nhân Lào);

g) Thu LAK từ hoạt động chi, cho tặng hợp pháp theo quy định của pháp luật (áp dụng đối với người không cư trú là cá nhân Lào).

2. Chi:

a) Chi bán LAK cho ngân hàng được phép;

b) Chi chuyển tiền, thanh toán cho các giao dịch vãng lai, giao dịch vốn theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối;

c) Chi LAK chuyển khoản sang Lào để thanh toán phần chênh lệch trong giao dịch bù trừ hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu trong hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào;

d) Chi thanh toán chuyển tiền cho các giao dịch được phép thanh toán, chuyển tiền trong nước bằng LAK theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam;

đ) Chi rút LAK tiền mặt cho cá nhân làm việc cho tổ chức khi được cử công tác tại Lào (áp dụng đối với người không cư trú là tổ chức Lào);

e) Chi cho, tặng LAK theo quy định của pháp luật (áp dụng đối với người không cư trú là cá nhân Lào);

g) Chi rút LAK tiền mặt (áp dụng đối với người không cư trú là cá nhân Lào).

**Điều 7. Điều chuyển LAK giữa các tài khoản của một chủ tài khoản**

Người cư trú là tổ chức, cá nhân và người không cư trú là tổ chức, cá nhân Lào được điều chuyển LAK chuyển khoản giữa các tài khoản LAK của chính tổ chức, cá nhân đó mở tại ngân hàng được phép khác nhau hoặc mở trong cùng hệ thống của một ngân hàng được phép.

**Chương III**

**CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI KHÁC**

**Điều 8. Thỏa thuận hợp tác thanh toán giữa ngân hàng được phép với ngân hàng Lào**

1. Ngân hàng được phép được mở tài khoản VND hoặc tài khoản LAK cho các ngân hàng thương mại của Lào để phục vụ hoạt động thanh toán, chuyển tiền song phương cho các tổ chức, cá nhân của Việt Nam và Lào.

2. Phương thức thanh toán, phương thức quản lý tài khoản và các nội dung khác thực hiện theo thỏa thuận bằng văn bản giữa ngân hàng được phép và ngân hàng thương mại của Lào trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật mỗi nước.

**Điều 9. Xuất khẩu, nhập khẩu VND tiền mặt và LAK tiền mặt**

1. Ngân hàng được phép được thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu VND tiền mặt và LAK tiền mặt để điều hòa lượng tiền mặt phục vụ hoạt động của ngân hàng được phép.

2. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu VND tiền mặt và LAK tiền mặt của ngân hàng được phép được thực hiện qua cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu chính tại khu vực biên giới, khu kinh tế cửa khẩu Việt Nam - Lào.

3. Các ngân hàng được phép thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu VND tiền mặt và LAK tiền mặt có trách nhiệm:

a) Khai báo Hải quan cửa khẩu theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý, giám sát, bảo đảm an toàn trong việc giao nhận, bảo quản và vận chuyển VND tiền mặt và LAK tiền mặt; Tự chịu rủi ro liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu VND tiền mặt và LAK tiền mặt; Sử dụng số VND tiền mặt và LAK tiền mặt nhập khẩu đúng mục đích theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối;

c) Chấp hành đúng các quy định tại Thông tư này, các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối, phòng, chống rửa tiền và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 10. Mở tài khoản VND của người cư trú là tổ chức tại Lào**

Người cư trú là tổ chức được mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng VND tại các ngân hàng tại Lào phục vụ cho các mục đích liên quan đến hoạt động thu chi đối với các giao dịch vãng lai, các giao dịch vốn và các giao dịch được phép tại Lào trên cơ sở tuân thủ pháp luật Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan của Lào.

**Điều 11. Mua LAK tiền mặt để chuyển, mang về nước của người không cư trú là tổ chức, cá nhân Lào, người cư trú là cá nhân Lào**

1. Người không cư trú là tổ chức, cá nhân Lào, người cư trú là cá nhân Lào có VND từ các nguồn thu hợp pháp trong nước được mua LAK tiền mặt tại ngân hàng được phép để chuyển, mang về nước.

2. Khi mua LAK tiền mặt để chuyển, mang về nước, người không cư trú là tổ chức, cá nhân Lào, người cư trú là cá nhân Lào phải xuất trình các loại giấy tờ, chứng từ theo quy định của ngân hàng được phép và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các loại giấy tờ, chứng từ đó.

**Chương IV**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

**Điều 12. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố**

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan chấp hành đầy đủ quy định tại Thông tư này.

2. Thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động ngoại hối quy định tại Thông tư này. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xử lý theo thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện quản lý hoạt động ngoại hối trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Trách nhiệm của ngân hàng được phép**

1. Chấp hành đầy đủ và hướng dẫn khách hàng thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư này;

2. Xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ, chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên khi thỏa thuận hợp tác thanh toán với ngân hàng của Lào.

**Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân**

1. Xuất trình các giấy tờ, chứng từ theo quy định của ngân hàng được phép khi thực hiện các giao dịch ngoại hối và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các loại giấy tờ, chứng từ đã xuất trình tại ngân hàng được phép.

2. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 15. Chế độ báo cáo**

1. Định kỳ hàng quý, chậm nhất trước ngày 20 của tháng đầu quý sau quý báo cáo, ngân hàng được phép thực hiện báo cáo tình hình xuất nhập khẩu VND tiền mặt và LAK tiền mặt theo quy định tại Điều 9 Thông tư này (theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). Thời gian chốt số liệu báo cáo được tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo. Báo cáo được gửi theo phương thức điện tử về địa chỉ hộp thư điện tử baocaongoaite@sbv.gov.vn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới nơi ngân hàng được phép thực hiện hoạt động xuất, nhập khẩu VND tiền mặt, LAK tiền mặt.

2. Định kỳ hàng quý, ngân hàng được phép báo cáo doanh số thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ với Lào theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 202 .

2. Thông tư này sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 19/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động thương mại biên giới Việt Nam – Trung Quốc:

“***Điều 2. Đối tượng áp dụng***

*4. Chi nhánh của ngân hàng được phép đặt tại tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc (sau đây gọi là chi nhánh ngân hàng biên giới).*”

3. Thông tư này sửa đổi Điều 4 Thông tư 12/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài:

"***Điều 4. Đồng tiền sử dụng để chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài***

*Đồng tiền sử dụng để chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bao gồm:*

*1. Ngoại tệ.*

*2. Đồng Việt Nam."*

4. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Quyết định số 845/2004/QĐ-NHNN ngày 08/7/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ đầu tư và viện trợ giữa Việt Nam với Lào hết hiệu lực thi hành.

**Điều 17. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng được phép chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như Điều 17;- Ban lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Công báo;- Lưu: VP, Vụ PC, QLNH(2b). | **THỐNG ĐỐC** |

**Phụ lục**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngân hàng được phépSố: …** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|   | *…, ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU VND VÀ LAK TIỀN MẶT**

(Quý…… năm 20……)

|  |  |
| --- | --- |
| **Kính gửi:** | - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Vụ Quản lý ngoại hối- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh………… |

Ngân hàng……. xin báo cáo số liệu xuất nhập khẩu VND và LAK tiền mặt trong quý... năm 20... như sau:

*Đơn vị: triệu VND, nghìn LAK*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tỉnh** | **Doanh số xuất khẩu** | **Doanh số nhập khẩu** | **Tổng doanh số (quy nghìn USD)[[1]](#footnote-1)** |
| VND | LAK | VND | LAK | Xuất khẩu | Nhập khẩu | Tổng XNK |
|  |   |   |   |   |   |   |   |
|  |   |   |   |   |   |   |   |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |   |   |   |   |   |   |   |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LẬP BIỂU**(điện thoại liên hệ) | **KIỂM SOÁT** | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**(ký tên, đóng dấu) |

1. Áp dụng tỷ giá trung tâm đồng Việt Nam với USD và tỷ giá tính chéo VND với LAK vào ngày cuối cùng của Quý báo cáo do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên trang <https://sbv.gov.vn> [↑](#footnote-ref-1)